

Số: 1372/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;



Căn cứ Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2026/NQ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ tạm ngưng hiệu lực và điều chỉnh thời hạn áp dụng Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm và Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 266/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết 83 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ thủ tục môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

(Đính kèm phụ lục 83 thủ tục hành chính)

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

Thời hạn ủy quyền được tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tổ chức tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt kết quả theo đúng quy định pháp luật đối với các thủ tục hành chính được ủy quyền và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện nội dung ủy quyền.

2. Thực hiện tiếp nhận, đăng tải nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi kết quả tham vấn cho Chủ dự án đầu tư theo quy định.

3. Tổ chức tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt kết quả theo đúng quy định pháp luật đối với thủ tục hành chính Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

trường được ủy quyền bao gồm các hồ sơ đang trong quá trình xử lý và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện nội dung ủy quyền.

4. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện sau giải quyết 83 thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định đối với các nội dung được ủy quyền.

5. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện các nội dung được ủy quyền.

6. Thông báo rộng rãi các nội dung được ủy quyền tại Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân để biết và liên hệ công tác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường.

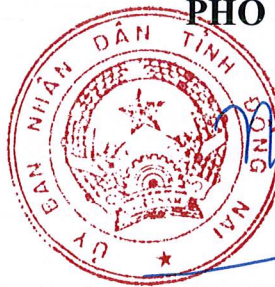
2. Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thẩm quyền xử lý, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Nội vụ;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế
- Lưu: VT, TTHCC, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

DÒNG M

Phụ lục

Danh sách 83 thủ tục hành chính Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc

Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
I			
Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			
1	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Điều 3 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026
2	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Điều 17 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026
3	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025
4	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	Điều 11 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026
5	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định	Điều 10 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
		công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cần xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	
6	1007927	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
7	1007928	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Khoản 2, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
8	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
9	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
10	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
11	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
12	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
13	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
14	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Điểm d khoản 3 Điều 15 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
15	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Điểm c khoản 2 Điều 23, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
16	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bất động sản sử dụng giống cây trồng	Điểm c khoản 2 Điều 21, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
17	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Điểm c khoản 2 Điều 24, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
18	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bất động	Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
19	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Điểm d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
20	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
21	1.012062	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Điểm d khoản 4 Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
22	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Điểm c3 khoản 3 Điều 18 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026
23	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Điểm b khoản 4 Điều 8 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026
II			
Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
1	2.001827	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
2	2.001730	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Điểm c khoản 3 Điều 53 Nghị định 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026; Nghị Quyết số 09/2026/NQ-CP ngày 04/02/2026
3	2.001726	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
III			
Lĩnh vực thủy sản			
1	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 01/01/2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Điểm c khoản 3 Điều 25 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026
3	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	điểm a khoản 5 Điều 17 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 01/01/2026
4	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	Điểm b khoản 3 Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026
IV Lĩnh vực Chăn nuôi			
1	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
2	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
3	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
4	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026
5	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức	Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
		ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
V		Lĩnh vực thủy lợi	
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngăn thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
2	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
3	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngăn thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
4	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
5	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
6	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
7	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
8	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
		UBND cấp tỉnh.	
9	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
10	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
11	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
12	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du	Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
		đáp trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
13	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
14	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026
15	1.003867	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Khoản 2 Điều 9, Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026
16	2.001804	Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Khoản 4 Điều 23 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026
VI	Lĩnh vực môi trường (trừ các dự án đầu tư, cơ sở nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao)		
1	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	
2	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026
3	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại điểm 3 khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.
5	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	- Điểm b Khoản 8 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
IX			
Lĩnh vực tài nguyên nước			
1	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)	Khoản 22 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
2	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)	Khoản 22 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
3	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới	Khoản 22 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
		đất (quy mô lớn)	ngày 17/01/2026
4	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)	Khoản 22 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
5	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Khoản 31 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
6	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Khoản 31 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
7	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Khoản 31 Điều 2 Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
8	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
9	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
10	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
11	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
12	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
13	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
14	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
15	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
16	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
17	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026
X		Lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp	
1	1.014630	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.
2	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng	Điểm đ khoản 2 điều 21 Thông tư số

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
		sinh học	85/2025/TT-BNNMT.
3	1.004150	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	Điểm e khoản 4 Điều 23 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen).
4	1.004096	Giã hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Điểm d khoản 4 Điều 25 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen).
5	1.004117	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Điểm c khoản 3 Điều 27 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen).
6	1.014833	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 (sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ quy định về

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền giải quyết TTHC là của Chủ tịch UBND tỉnh
			quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen).
7	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026
8	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ
9	1.014839	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
10	1.014838	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
Tổng cộng: 83 thủ tục hành chính			